

Số: **29** /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày **10** tháng 12 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Về Kế hoạch đầu tư công vốn xây dựng cơ bản tập trung
và một số khoản vốn sự nghiệp
có tính chất đầu tư của thành phố năm 2019**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHOÁ XV, KỲ HỌP THỨ 8**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm;

Căn cứ Nghị định số 120/2018/NĐ-CP ngày 13/9/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 77/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ về kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm, Nghị định số 136/2015/NĐ-CP ngày 31/12/2015 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật đầu tư công và Nghị định số 161/2016/NĐ-CP ngày 02/12/2016 của Chính phủ về cơ chế đặc thù trong quản lý đầu tư xây dựng đối với một số dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm 2016 - 2020;

Căn cứ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán và phân bổ ngân sách thành phố năm 2018;

Xét Báo cáo số 342/BC-UBND/BC-UBND và Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2019; Báo cáo số 348/BC-UBND và Tờ trình số 214/TTr-UBND ngày 04/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc quyết định dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2019; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định Kế hoạch đầu tư công thành phố năm 2019 như Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 03/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố (có bảng, biểu chi tiết theo quy định kèm theo) với các nội dung chủ yếu sau:

1. Đồng ý nguyên tắc, thứ tự ưu tiên giao kế hoạch đầu tư công năm 2019 theo đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố tại Tờ trình số 210/TTr-UBND ngày 03/12/2018.

2. Tổng nguồn đầu tư công năm 2019 là: 10.140,521 tỷ đồng. Bao gồm:

a) Các nguồn vốn của Trung ương: 1.320,073 tỷ đồng, gồm:

- Ngân sách Trung ương hỗ trợ có mục tiêu: 712,92 tỷ đồng.

- Vốn nước ngoài (ODA): 607,153 tỷ đồng.

b) Các nguồn vốn của thành phố: 8.820,448 tỷ đồng, gồm:

- Vốn xây dựng cơ bản tập trung: 2.459,348 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư từ tiền sử dụng đất: 3.550,0 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn phí sử dụng công trình kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực cửa khẩu cảng biển: 1.700,0 tỷ đồng.

- Vốn đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết: 50,0 tỷ đồng.

- Nguồn vốn vay: 1.061,1 tỷ đồng.

3. Phương án bố trí vốn đầu tư công năm 2019:

a) Các nguồn vốn của Trung ương: phân bổ đúng danh mục và mức vốn cho từng dự án, chương trình theo Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

b) Các nguồn vốn của thành phố bố trí theo thứ tự ưu tiên sau:

- Ghi chi tiền đất: 48,0 tỷ đồng.

- Chi đầu tư của các quận, huyện: 1.928,8 tỷ đồng.

- Xây dựng nông thôn mới: 750,0 tỷ đồng.

- Vốn chuẩn bị đầu tư: 10,0 tỷ đồng.

- Chi từ nguồn vay lại vốn ODA theo Hiệp định đã ký: 68,7 tỷ đồng.

- Vốn cho công tác quy hoạch: 5,0 tỷ đồng.

- Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng: 80,0 tỷ đồng.

- Vốn còn lại bố trí cho các dự án, nhiệm vụ khác: 5.929,948 tỷ đồng; bao gồm: Các dự án đã phê duyệt quyết toán; các dự án chuyển tiếp; các dự án khởi

công mới đủ thủ tục đầu tư.

Điều 2. Quyết định một số khoản vốn sự nghiệp có tính chất đầu tư như Tờ trình số 214/TTr-UBND ngày 04/12/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố là: 900,0 tỷ đồng (Chi tiết tại Biểu mẫu II).

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

Giao Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2019, tập trung chỉ đạo:

- Giao Kế hoạch đầu tư công năm 2019 cho các đơn vị thực hiện theo đúng thẩm quyền quy định tại Luật Đầu tư công, đúng Nghị quyết này và các nghị quyết khác có liên quan của Hội đồng nhân dân thành phố.

- Tăng cường quản lý và xử lý nợ đọng xây dựng cơ bản theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành.

- Triển khai công tác chuẩn bị đầu tư đối với các dự án dự kiến khởi công mới theo Kế hoạch đầu tư công năm 2020 và các năm tiếp theo.

- Tổ chức huy động, sử dụng các nguồn vốn vay cho đầu tư phát triển bảo đảm đúng quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XV, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 07 tháng 12 năm 2018./

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, CP;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: KHĐT, TC;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn Đại biểu QH TP;
- Ủy ban MTTQVNTP;
- Đại biểu HĐNDTP khóa XV;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các VP: TU, ĐBQH, HĐND, UBND TP;
- Các Quận ủy, Huyện ủy;
- TTHĐND, UBND các quận, huyện;
- CVP, các PCVP HĐNDTP;
- Báo HP, Đài PTTH HP,
- Công báo HP, Cổng TTĐTTP (để đăng);
- Các CV HĐNDTP;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH



Lê Văn Thành

PHỤ LỤC A

TỔNG NGUỒN VÀ PHƯƠNG ÁN PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

BIỂU MẪU I: TỔNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019

(Kèm theo Nghị quyết số **28** /NQ-HĐND ngày **10** tháng **12** năm 2018
của HĐND thành phố Hải Phòng)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Dự kiến giao kế hoạch	Ghi chú
	TỔNG SỐ	11.040.521	
I	VỐN ĐẦU TƯ CÔNG	10.140.521	
1	Các nguồn vốn đầu tư công của Trung ương	1.320.073	
a	Hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW (vốn trong nước)	712.920	KH năm 2019 Công văn số 7446/BKHĐT-TH ngày 19/10/2018 của Bộ KHĐT
b	Vốn nước ngoài ODA	607.153	
2	Vốn đầu tư công của thành phố	8.820.448	
a	Các nguồn vốn đầu tư công cân đối ngân sách thành phố trong năm kế hoạch	7.759.348	
	Vốn xây dựng cơ bản tập trung	2.459.348	
	Chi đầu tư từ nguồn tiền sử dụng đất	3.550.000	
	Chi đầu tư từ nguồn thu phí sử dụng công trình, kết cấu hạ tầng, công trình dịch vụ, tiện ích công cộng khu vực cửa khẩu cảng biển	1.700.000	
	Chi đầu tư từ nguồn xổ số kiến thiết	50.000	
b	Vốn vay	1.061.100	
II	MỘT SỐ KHOẢN VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ	900.000	

BIỂU MẪU II: PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018
của HĐND thành phố Hải Phòng)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch năm	Ghi chú
	TỔNG SỐ	11.040.521	
I	VỐN ĐẦU TƯ CÔNG	10.140.521	
1	Các nguồn vốn đầu tư công của Trung ương	1.320.073	Phân bổ chi tiết theo Quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và Bộ KHĐT
a	Hỗ trợ có mục tiêu từ NSTW (vốn trong nước)	712.920	
b	Vốn nước ngoài ODA	607.153	
2	Vốn đầu tư công của thành phố	8.820.448	
a	Ghi thu - ghi chi tiền đất	48.000	
b	Phân cấp chi đầu tư cho các quận, huyện	1.928.800	
-	Hỗ trợ vốn đầu tư công từ NSTP	1.215.500	Năm 2019 tăng bình quân 21% so với năm 2017
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền đất của các quận, huyện	713.300	
c	Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	750.000	Theo NQ của HĐND TP và QĐ của UBND TP về xây dựng NTM gđ 2017 - 2020
d	Chuẩn bị đầu tư	10.000	
e	Chi từ nguồn vay lại vốn ODA theo Hiệp định đã ký	68.700	Theo dự toán Bộ Tài chính giao và Biểu mẫu XI
g	Công tác quy hoạch	5.000	
h	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng	80.000	
i	Bố trí cho các nhiệm vụ, dự án của thành phố	5.929.948,0	
II	MỘT SỐ KHOẢN VỐN SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ	900.000	
1	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các tuyến đường giao thông đô thị	220.000	
2	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các tuyến tỉnh lộ	280.000	
3	Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa hệ thống điện chiếu sáng	100.000	
4	Bổ sung có mục tiêu cho các huyện nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các tuyến đường	200.000	
5	Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 05/NQ-HĐND ngày 12/7/2018 của Hội đồng nhân dân thành phố về cơ chế hỗ trợ vật tư (xi măng, gạch lát vỉa hè, pha đèn chiếu sáng và cây xanh) để cải tạo, nâng cấp hệ, đường ngõ đã xuống cấp trên địa bàn các quận thuộc thành phố	50.000	
6	Hỗ trợ nhà ở cho người có công với cách mạng theo cơ chế hỗ trợ vật tư	50.000	

PHỤ LỤC B

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG TỪ NGÂN SÁCH THÀNH PHỐ NĂM 2019

**BIỂU MẪU III - A: TỔNG HỢP BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
CHO CÁC DỰ ÁN THEO THỜI GIAN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018
của HĐND thành phố Hải Phòng)*

Đvt: Triệu đồng

Stt	Dự án	Số dự án	Tổng mức đầu tư		Vốn đã bố trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP		
	TỔNG SỐ	96	34.323.322	31.420.901	15.532.426	13.220.274	23.772.323	22.741.121	5.929.948	
1	Dự án đã phê duyệt quyết toán hoàn thành	17	614.436	348.001	551.954	285.519	89.115	82.232	33.850	Biểu mẫu IV
2	Dự án từ 2015 trở về trước và đã được bố trí vốn giai đoạn 2016 - 2018	17	7.305.353	5.050.793	5.441.917	3.393.736	3.144.862	2.489.723	443.098	Biểu mẫu V
3	Dự án đã khởi công năm 2016	3	10.413.534	10.413.534	5.114.197	5.114.197	8.158.582	8.148.582	2.056.000	Biểu mẫu VI
4	Dự án đã khởi công năm 2017	22	5.793.275	5.744.195	2.362.986	2.330.706	4.586.879	4.261.057	1.310.000	Biểu mẫu VII
5	Dự án đã khởi công năm 2018	29	9.153.500	8.826.904	2.052.738	2.087.482	6.993.751	6.969.027	1.883.000	Biểu mẫu VIII
6	Dự án đã phê duyệt quyết định đầu tư và khởi công năm 2019	8	1.043.223	1.037.473	8.634	8.634	799.134	790.500	204.000	Biểu mẫu IX

**BIỂU MẪU III - B: TỔNG HỢP BỐ TRÍ VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2019
CHO CÁC DỰ ÁN THEO LĨNH VỰC ĐẦU TƯ**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018
của HĐND thành phố Hải Phòng)*

Đvt: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực đầu tư	Số dự án	Tổng mức đầu tư		Vốn đã bố trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP		
	TỔNG SỐ	96	34.323.322	31.420.901	15.532.426	13.220.274	23.772.323	22.741.121	5.929.948	
1	Hoạt động kinh tế	53	30.451.005	29.069.585	13.283.041	12.275.130	21.719.798	21.010.162	5.612.716	
2	Bảo vệ môi trường	5	271.586	160.280	102.261	30.830	165.700	131.419	23.419	
3	Quốc phòng	3	234.286	160.737	105.060	45.060	126.000	126.000	33.000,0	
4	An ninh và trật tự, an toàn xã hội	7	525.754	494.925	74.281	43.451	382.678	381.978	83.000	
5	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề	7	385.438	283.567	197.867	95.995	178.884	178.684	69.684	
6	Y tế, dân số và gia đình	9	1.672.838	726.611	1.150.132	347.437	783.910	497.595	71.845	
7	Văn hóa thông tin	4	57.500	12.070	45.430	0	12.070	12.070	12.070	
8	Phát thanh, truyền hình	2	360.870	360.870	281.000	281.000	289.620	289.620	7.620,1	
9	Thể dục thể thao	1	121.361	1.593	119.768	0	1.593	1.593	1.593	
10	Hoạt động của cơ quan nhà nước, đoàn thể	3	82.581	78.178	53.570	53.570	66.070	66.000	8.000	
11	Bảo đảm xã hội	1	25.081	25.081	22.801	22.801	9.412	9.412	1.412	
12	Lĩnh vực khác	1	135.021	47.404	97.216	25.000	36.588	36.588	5.588	

BIỂU MẪU IV: DANH MỤC DỰ ÁN ĐÃ QUYẾT TOÁN CHƯA BỎ TRÍ VỐN THANH TOÁN DỨT ĐIỂM

*(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018
của HĐND thành phố Hải Phòng)*

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt quyết toán		Vốn đã bỏ trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú	
			Số quyết định	Giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số			Tr.đó: ĐTC NSTP thực hiện dự án
				Tổng số	Trung đó: NSTP						
	TỔNG SỐ			614.436,21	348.001,32	551.953,901	285.519,013	89.115,238	82.232,238	33.850,000	
I	Hạt động kinh tế			225.468,021	225.468,021	206.372,234	206.372,234	26.278,787	19.395,787	4.816,431	
	Nâng cấp, cải tạo đường cứu nạn, cứu hộ Khu neo đậu tàu tránh trú bão tàu thuyền bến cá Ngọc Hải	Sở NN & PTNT	08/QĐ-STC 21/04/2017	7.338,057	7.338,057	5.540,0	5.540,0	6.798,057	1.798,057	1.798,057	
2	Xử lý cấp bách chống xói lở đề tà sông Lạch Tray, đoạn K15+450 - K16+600 và đoạn K17+590 - K19+000 huyện An Dương (các gói thầu hoàn thành)	Sở NN & PTNT	125/VBTT-STC ngày 06/7/2017	12.640,309	12.640,309	12.302,913	12.302,913	637,396	637,396	337,396	
3	Tu bổ đề điều thường xuyên năm 2014	Sở NN & PTNT	09/QĐ-STC, 26/05/2017	26.001,758	26.001,758	25.320,780	25.320,780	680,978	680,978	680,978	
4	Tuyến đường trục vào nhà máy phối thép Việt Ý tại cụm công nghiệp VINASHIN - SHINEC (giai đoạn I và II)	Cty CP Thép Việt - Ý	632/QĐ-STC 14/4/2011; 95/QĐ-STC 15/8/2016	24.236,897	24.236,897	11.915,541	11.915,541	12.321,356	12.321,356	2.000,0	
II	Bảo vệ môi trường			6.138,880	6.138,880	5.720,0	5.720,0	418,880	418,880	418,880	
	Đầu tư mua bổ sung xe chuyên dùng vận chuyển rác	Cty TNHH MTV MTĐT	21/QĐ-STC, 09/4/2018	6.138,880	6.138,880	5.720,0	5.720,0	418,880	418,880	418,880	
III	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			61.658,906	30.829,453	50.580,626	19.751,173	11.078,280	11.078,280	4.000,0	
	Trung tâm Bồi dưỡng huấn luyện nghiệp vụ Công an thành phố Hải Phòng	Công an thành phố	25/QĐ-STC 30/12/2016; 915/TB-KTNN ngày 21/11/2017	61.658,906	30.829,453	50.580,626	19.751,173	11.078,280	11.078,280	4.000,0	
IV	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề			58.769,596	25.961,683	53.283,519	20.475,606	9.486,077	9.486,077	5.486,077	
1	Xây dựng Trường THPT Quốc Tuấn huyện An Lão - Giai đoạn 2	Trường THPT Quốc Tuấn	14/QĐ-STC 22/9/2016	9.436,758	8.650,758	7.607,606	6.821,606	5.829,152	5.829,152	1.829,152	
2	Nhà học thí nghiệm khoa tự nhiên công nghệ và khối giảng đường chung Trường Đại học HP	Trường ĐHHP	22/QĐ-STC 08/9/2015	32.575,838	1.089,925	31.485,913	0,0	1.089,925	1.089,925	1.089,925	
3	Xây dựng nhà thí nghiệm và học vi tính Trường Cao đẳng Cộng đồng Hải Phòng	Trường CĐCD	359/QĐ-STC 05/7/2012	16.757,0	16.221,0	14.190,0	13.654,0	2.567,0	2.567,0	2.567,0	
V	Y tế, dân số và gia đình			72.669,535	35.069,535	62.800,000	25.200,000	17.569,535	17.569,535	2.844,933	
1	Nhà điều trị 5 tầng Bệnh viện Trẻ em Hải Phòng	Sở Y tế	05/QĐ-STC 3/2016	67.543,035	29.943,035	58.600,0	21.000,0	12.443,035	12.443,035	1.918,433	

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Chủ đầu tư	Quyết định phê duyệt quyết toán			Vốn đã bố trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
			Số quyết định	Giá trị quyết toán		Tổng số	Trong đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: ĐTC NSTP thực hiện dự án		
				Tổng số	Trong đó: NSTP						
2	Mua sắm trang thiết bị y tế của Ban Bảo vệ Chăm sóc sức khỏe cán bộ thành phố	Ban Bảo vệ Chăm sóc sk cán bộ TP	52/QĐ-STC, 29/09/2017	5.126,5	5.126,5	4.200,0	4.200,0	5.126,5	5.126,5	926,50	
VI	Văn hóa thông tin			57.500,177	12.070,445	45.429,732	0,0	12.070,445	12.070,445	12.070,445	
1	Tu bổ, tôn tạo di tích đình Cung Chúc, huyện Vĩnh Bảo	Sở VH TT	06/QĐ-STC 12/3/2018	19.672,038	5.332,038	14.340,0	0,0	5.332,038	5.332,038	5.332,038	
2	Tu bổ, tôn tạo di tích Đền Nghè, phường An Biên, quận Lê Chân	Sở VH TT	08/QĐ-STC, 12/3/2018	16.378,872	2.173,872	14.205,0	0,0	2.173,872	2.173,872	2.173,872	
3	Tu bổ, tôn tạo và mở rộng Đền thờ Nữ tướng Lê Chân thuộc quần thể di tích Núi Voi, huyện An Lão, Hải Phòng	Sở VH TT	10/QĐ-STC, 12/3/2018	10.983,368	4.098,636	6.884,732	0,0	4.098,636	4.098,636	4.098,636	
4	Tu bổ, tôn tạo di tích Đình Kinh Dao xã An Hưng, huyện An Dương, Hải Phòng	Sở VH TT	11/QĐ-STC, 12/3/2018	10.465,899	465,899	10.000,0	0,0	465,899	465,899	465,899	
VII	Phát thanh, truyền hình			10.870,119	10.870,119	8.000,0	8.000,0	10.620,051	10.620,051	2.620,051	
1	Cải tạo, nâng cấp hệ thống Hội nghị truyền hình thành phố Hải Phòng	Sở TT TT	47/QĐ-STC 15/11/2018	10.870,119	10.870,119	8.000,0	8.000,0	10.620,051	10.620,051	2.620,051	
VIII	Thể dục thể thao			121.360,974	1.593,183	119.767,790	0,0	1.593,183	1.593,183	1.593,183	
1	Dự án đầu tư xây dựng công trình Nhà thi đấu thể thao đa năng thành phố Hải Phòng	Sở VH TT	514/QĐ-STC 28/8/2014	121.360,974	1.593,183	119.767,790	0,0	1.593,183	1.593,183	1.593,183	

**BIỂU MẪU V: DỰ ÁN TỪ NĂM 2015 TRỞ VỀ TRƯỚC, ĐÃ BỎ TRÍ VỐN GIAI ĐOẠN 2016 - 2018
VÀ CẦN ƯU TIÊN BỎ TRÍ VỐN ĐỂ HOÀN THÀNH**

*(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018
của HĐND thành phố Hải Phòng)*

ĐVT: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	QĐ phê duyệt DA		Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư			Vốn đã bỏ trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
		Số QĐ	Ngày tháng duyệt		Tổng vốn trong nước	Vốn NSTW	Vốn NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: ĐTC NSTP thực hiện dự án		
	TỔNG SỐ				7.305.353	2.099.142	5.050.793	5.441.917	3.393.736	3.144.862	2.489.723	443.098.000	
I	Hoạt động kinh tế				5.415.480	1.025.531	4.389.949	4.077.890	3.052.359	2.429.349	2.079.500	353.900	
1	Thoát nước mưa, nước thải và quản lý chất thải rắn thành phố HP giai đoạn I	1110 1807 2469 1727 1752 186 1821 1254	04/07/2008 11/9/2009 09/12/2009 18/10/2010 20/10/2010 09/02/2012 23/9/2013 05/7/2013	BQL dự án cải thiện điều kiện vệ sinh môi trường Hải Phòng	1.296.974		1.296.974	752.723	752.723	856.000	856.000	200.000	
2	Dự án phát triển giao thông đô thị thành phố Hải Phòng sử dụng vốn vay ODA của Ngân hàng Thế giới và các dự án tái định cư, phục vụ GPMB	199 200 2057 607 605 2375 1242 916 2924 292 3346 3347	30/01/2011 30/01/2011 21/10/2013 14/3/2014 14/3/2014 31/10/2014 07/01/2016 23/5/2013 29/12/2015 2/3/2015 29/12/2015 29/12/2015	Sở GTVT	1.927.748		1.927.748	1.834.296	1.834.296	806.000	806.000	50.000	Ưu tiên hoàn trả Quỹ đầu tư phát triển đất
3	Đầu tư cải tạo, nâng cấp đường 356 (đoạn từ ngã ba Hiếu Hào đến ngã ba Áng Sỏi, huyện Cát Hải)	1445 1604 1818 2503	16/09/2011 22/8/2013 21/08/2014 26/9/2017	Sở GTVT	826.657	271.000	555.657	495.040	224.040	397.849	138.000	43.900	
4	Xây dựng mở rộng đường trục qua Khu công nghiệp Đình Vũ, thành phố Hải Phòng	2133 3077	29/10/2013 21/11/018	Sở GTVT	562.103	390.000	172.103	410.000	20.000	150.000	60.000	5.000	
5	Đầu tư xây dựng Cầu Khuê	301 1941 359 1402 2228	26/02/2007 29/9/2009 10/03/2010 18/7/2016 10/8/2018	BQL các dự án Cầu	509.740	364.531	145.209	465.501	100.970	76.000	76.000	15.000	Ưu tiên hoàn trả Quỹ đầu tư phát triển đất

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	QĐ phê duyệt DA		Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư			Vốn đã bố trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
		Số QĐ	Ngày tháng duyệt		Tổng vốn trong nước	Vốn NSTW	Vốn NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: ĐTC NSTP thực hiện dự án		
6	Xây dựng khu tái định cư Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường Đông Khê 2 tại phường Đăng Giang, quận Ngô Quyền	50 54	11/01/2012 12/01/2015	UBND quận Ngô Quyền	198.516		198.516	95.330	95.330	93.500	93.500	30.000	
7	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường gom Khu công nghiệp Tràng Duệ	1136	6/5/2014	BQL Khu kinh tế HP	93.742		93.742	25.000	25.000	50.000	50.000	10.000	Thu hồi ứng trước 2 tỷ đồng
II	Bảo vệ môi trường				120.172	43.200	30.000	76.335	20.060	49.075	30.000	10.000	
1	Đầu tư khắc phục ô nhiễm và cải thiện môi trường làng nghề Tràng Minh, phường Tràng Minh, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng	1354 47	27/6/2014 12/01/2017	UBND quận Kiến An	120.172	43.200	30.000	76.335	20.060	49.075	30.000	10.000	
III	Quốc phòng				147.463	73.549	73.914	84.060	24.060	56.500	56.500	8.000	
1	Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp doanh trại Trường Quân sự thành phố	2580	23/12/2009	Bộ Chỉ huy quân sự TP	42.393		42.393	13.030	13.030	32.500	32.500	5.000	
2	Trung tâm huấn luyện dự bị động viên thuộc Bộ Chỉ huy quân sự thành phố Hải Phòng	1571	10/4/2011	Bộ Chỉ huy quân sự TP	105.070	73.549	31.521	71.030	11.030	24.000	24.000	3.000	
IV	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề				192.615	74.535	123.551	141.383	72.319	62.198	62.198	37.198	
1	Hạ tầng kỹ thuật trường Đại học Hải Phòng	1249 2359	06/02/2006 09/11/2017	Trường Đại học HP	144.498	74.535	76.895	114.300	46.697	30.198	30.198	30.198	Bố trí vốn để GPMB
2	Trường PTTH Tô Hiệu, Vĩnh Bảo đạt chuẩn quốc gia	2683 170 1302 1418	13/12/2006 22/01/2018 08/7/2008 25/6/2018	UBND huyện Vĩnh Bảo	48.117		46.656	27.083	25.622	32.000	32.000	7.000	
V	Y tế, dân số và gia đình				1.269.521	882.327	360.894	942.232	177.137	501.740	215.525	27.000	
1	Đầu tư xây dựng trung tâm sơ sinh thuộc Bệnh viện phụ sản Hải Phòng	583 2363	02/05/2012 09/11/2017	Sở Y tế	223.150	111.575	86.575	64.050	61.050	73.525	53.525	20.000	
2	Cải tạo, nâng cấp Bệnh viện đa khoa Tiên Lãng - giai đoạn I	1617 1969 2456	01/10/2010 13/9/2016 22/9/2017	Sở Y tế	57.630	250	57.380	43.909	43.659	27.000	27.000	2.000	
3	Dự án đầu tư xây dựng công trình Bệnh viện đa khoa Hải Phòng - Giai đoạn I (Đầu tư xây dựng Bệnh viện Việt Tiệp II)	894 1781 1949 1601 3205	02/06/2008 22/10/2010 30/11/2011 10/7/2015 24/11/2017	Sở Y tế	988.741	770.502	216.939	834.273	72.428	401.215	135.000	5.000	
VI	Bảo đảm xã hội				25.081	0	25.081	22.801	22.801	9.411,813	9.411,813	1.411,813	
1	Khu nuôi dưỡng bảo trợ xã hội	1586 231 2628	23/8/2007 28/01/2013 10/10/2017	Sở Lao động Thương binh và Xã hội	25.081		25.081	22.801	22.801	9.411,813	9.411,813	1.411,813	
VII	Lĩnh vực khác				135.021	0	47.404	97.216	25.000	36.588	36.588	5.588,187	

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	QĐ phê duyệt DA		Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư			Vốn đã bố trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
		Số QĐ	Ngày tháng duyệt		Tổng vốn trong nước	Vốn NSTW	Vốn NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: ĐTC NSTP thực hiện dự án		
1	Xây dựng khu nghĩa trang nhân dân đảo Cát Hải tại xã Nghĩa Lộ, huyện Cát Hải	2138 350 112 173	30/11/2011 02/4/2013 15/01/2014 2/3/2018	UBND huyện Cát Hải	135.021		47.404	97.216	25.000	36.588	36.588	5.588,187	

BIỂU MẪU VI: DỰ ÁN ĐÃ BỔ TRÍ VỐN KHỞI CÔNG NĂM 2016
 (Kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018
 của HĐND thành phố Hải Phòng)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt DA	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Vốn đã bổ trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016-2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: ĐTC NSTP thực hiện dự án		
	TỔNG SỐ			10.413.534	10.413.534	5.114.197	5.114.197	8.158.582	8.148.582	2.056.000	
I	Hoạt động kinh tế			10.413.534	10.413.534	5.114.197	5.114.197	8.158.582	8.148.582	2.056.000	
1	Xây dựng nút giao thông khác mức giữa đường Lê Hồng Phong với đường Nguyễn Bỉnh Khiêm	739/QĐ-UBND 13/5/2016; 2661/QĐ-UBND 16/10/2017	Sở GTVT	375.424	375.424	254.000	254.000	299.000	289.000	31.000	Ưu tiên hoàn trả Quỹ đầu tư phát triển đất
2	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Bắc sông Cấm	2008/QĐ-UBND 15/9/2016 2632/QĐ-UBND 10/10/2018	BQL Công trình xd PTĐT	9.899.085	9.899.085	4.783.585	4.783.585	7.748.582	7.748.582	2.000.000	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất tái định cư phục vụ giải phóng mặt bằng thực hiện các dự án đầu tư trên địa bàn thành phố	1857/QĐ-UBND 06/9/2016	UBND quận Lê Chân	139.025	139.025	76.612	76.612	111.000	111.000	25.000	

BIỂU MẪU VII: DỰ ÁN ĐÃ BỐ TRÍ VỐN KHỞI CÔNG NĂM 2017
(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2018
của HĐND thành phố Hải Phòng)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Vốn đã bố trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: ĐTC NSTP thực hiện dự án		
	TỔNG SỐ			5.793.275	5.744.195	2.362.986	2.330.706	4.586.879	4.261.057	1.310.000	
I	Hoạt động kinh tế			5.000.022	4.955.345	1.902.486	1.870.206	3.952.879	3.627.057	1.224.000	
1	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Gia Tự	2635/QĐ-UBND 28/10/2016	Sở GTVT	71.465	71.465	34.000	34.000	57.000	57.000	15.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Quyền	2634/QĐ-UBND 28/10/2016	Sở GTVT	79.650	79.650	34.000	34.000	64.000	64.000	15.000	
3	Xây dựng tuyến đường từ cầu Lạng Am đến cầu Nhân Mục, huyện Vĩnh Bảo	2671/QĐ-UBND 31/10/2016 2779/QĐ-UBND 26/10/2018	Sở GTVT	1.290.947	1.290.947	504.000	504.000	1.058.322	1.004.000	400.000	Đạt 78%. Ứng trước Quỹ PTĐ là: 249,345 tỷ đồng
4	Mở rộng đường xuyên đảo Cát Hải (Cái Viêng - Mốc Tráng)	2273/QĐ-UBND 20/11/2007 1122/QĐ-UBND	Sở GTVT	777.510	745.230	56.429	24.149	525.000	525.000	170.000	
5	Xây dựng tuyến đường từ Quốc lộ 37 đi vào khu di tích quốc gia đặc biệt danh nhân văn hóa Trưng Trắc Nguyễn Bình Khiêm	2539/QĐ-UBND 25/10/2016	UBND huyện Vĩnh Bảo	363.140	363.140	235.000	235.000	290.000	290.000	40.000	
6	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường 25 huyện Tiên Lãng từ Tỉnh lộ 354 đến Quốc lộ 10	2583/QĐ-UBND 27/10/2016	UBND huyện Tiên Lãng	134.147	121.750	65.500	65.500	107.500	106.000	30.000	
7	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Máng Nước từ chân Cầu Bình nối với đường 359 tại Thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên	2636/QĐ-UBND 28/10/2016	UBND huyện Thủy Nguyên	420.005	420.005	61.000	61.000	336.000	336.000	120.000	
8	Nâng cấp, cải tạo nền, mặt đường và hệ thống thoát nước đường Trần Tất Văn, quận Kiến An	2669/QĐ-UBND 31/10/2016	UBND quận Kiến An	95.348	95.348	54.000	54.000	76.000	76.000	20.000	
9	Dự án đầu tư xây dựng cầu Đặng	996/QĐ-UBND 28/4/2017	BQL các dự án cầu	171.886	171.886	121.000	121.000	138.000	68.000	13.000	
10	Dự án đầu tư xây dựng Cầu Hàn	995/QĐ-UBND 28/4/2017	BQL các dự án cầu	169.653	169.653	121.000	121.000	136.000	66.000	11.000	
11	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Bắc sông Cấm	2610/QĐ-UBND 28/10/2016	BQL Công trình xd PTĐT	660.664	660.664	225.000	225.000	530.000	530.000	200.000	
12	Đầu tư HTKT Cụm công nghiệp Thị trấn Tiên Lãng, huyện Tiên Lãng	2676/QĐ-UBND 31/10/2016	BQL DA xd HTKT các CCN HP	311.149	311.149	213.000	213.000	253.000	123.000	40.000	

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định phê duyệt dự án	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Vốn đã bố trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: ĐTC NSTP thực hiện dự án		
13	Tuyến đường vào Khu ĐC phục vụ GPMB dự án Khu đô thị Vinhomes Riverside, phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng	2659/QĐ-UBND 28/10/2016	UBND quận Hồng Bàng	35.546	35.546	16.500	16.500	28.500	28.500	5.000	
14	Cải tạo, nâng cấp vỉa hè, kè đá sông đào Hạ Lý đường Lán Bè, đoạn từ cầu An Dương đến cầu An Đồng	2678/QĐ-UBND 31/10/2016	UBND quận Lê Chân	61.724	61.724	7.000	7.000	49.500	49.500	10.000	
15	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ trên địa bàn phường Đồng Quốc Bình, quận Ngô Quyền (giai đoạn I)	2481/QĐ-UBND 25/9/2017	Sở Xây dựng	302.076	302.076	125.057	125.057	260.057	260.057	125.000	Ưu tiên hoàn trả Quỹ đầu tư phát triển đất
16	Tu bổ đề điều thường xuyên năm 2017 thành phố Hải Phòng	2630/QĐ-UBND 28/10/2016	Sở NN&PTNT	55.114	55.114	30.000	30.000	44.000	44.000	10.000	
II	Quốc phòng			86.823	86.823	21.000	21.000	69.500	69.500	25.000	
1	Cải tạo, nâng cấp Căn cứ hậu phương số 1 khu vực phòng thủ thành phố HP	2621/QĐ-UBND 31/10/2016	Bộ Chỉ huy quân sự TP	86.823	86.823	21.000	21.000	69.500	69.500	25.000	
III	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề			70.968	70.968	1.000	1.000	57.000	57.000	20.000	
1	Nhà học thí nghiệm, học tiếng, học bộ môn Trường Trung học phổ thông chuyên Trần Phú	2938/QĐ-UBND, 31/10/2017	BQL Công trình xd PTĐT	70.968	70.968	1.000	1.000	57.000	57.000	20.000	
IV	Y tế, dân số và gia đình			246.177	246.177	143.000	143.000	197.000	197.000	31.000	
1	Xây dựng Bệnh viện Y học Cổ truyền Hải Phòng - Giai đoạn I	2662/QĐ-UBND 31/10/2016	Sở Y tế	188.742	188.742	120.000	120.000	151.000	151.000	15.000	
2	Xây dựng nhà điều trị 5 tầng Bệnh viện Lao và bệnh Phổi	2664/QĐ-UBND 31/10/2016	Sở Y tế	57.435	57.435	23.000	23.000	46.000	46.000	16.000	
V	Phát thanh, truyền hình			350.000	350.000	273.000	273.000	279.000	279.000	5.000	
1	Đầu tư nâng cao năng lực hoạt động của Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng	2675/QĐ-UBND 31/10/2016	Đài PTTH Hải Phòng	350.000	350.000	273.000	273.000	279.000	279.000	5.000	
VI	Hoạt động của cơ quan nhà nước, đoàn thể			39.285	34.882	22.500	22.500	31.500	31.500	5.000	
1	Xây dựng Trụ sở UBND huyện Tiên Lãng	2668/QĐ-UBND 31/10/2016	UBND huyện Tiên Lãng	39.285	34.882	22.500	22.500	31.500	31.500	5.000	

BIỂU MẪU VIII: DỰ ÁN ĐÃ BỎ TRÍ VỐN KHỞI CÔNG NĂM 2018

(Kèm theo Nghị quyết số 29 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018
của HĐND thành phố Hải Phòng)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định đầu tư	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Vốn đã bỏ trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Tổng số (vốn trong nước)	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: ĐTC NSTP thực hiện dự án		
	TỔNG SỐ			9.153.500	8.826.904	2.052.738	2.087.482	6.993.751	6.969.027	1.883.000	
1	Hoạt động kinh tế			8.622.851	8.317.389	1.973.562	2.023.462	6.569.675	6.561.127	1.808.000	
1	Đầu tư chỉnh trang lại sông Tam Bạc (đoạn từ cầu Lạc Long đến công viên Tam Bạc)	2911/QĐ-UBND 31/10/2017	UBND quận Hồng Bàng	1.454.349	1.454.349	808.000	808.000	1.258.000	1.257.000	350.000	
2	Xây dựng trục đường Hồ Sen - Cầu Rào 2, đoạn từ nút giao với đường Nguyễn Văn Linh đến ngã 3 đường Chợ Con	2929/QĐ-UBND 31/10/2017	BQL các dự án cầu	1.405.441	1.405.441	211.414	211.414	901.500	900.000	150.000	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Đoàn Lập cầu Hàn - quốc lộ 37	2933/QĐ-UBND 31/10/2017	BQL các dự án cầu	175.374	175.374	45.300	70.300	160.300	160.000	60.000	
4	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường từ ngã ba Đoàn Lập cầu Đàng - quốc lộ 37	2932/QĐ-UBND 31/10/2017	BQL các dự án cầu	226.534	226.534	45.300	70.300	200.300	200.000	85.000	
5	Đầu tư xây dựng Cảng cá Trần Châu tại đảo Cát Bà, huyện Cát Hải	2893/QĐ-UBND 30/10/2017	Sở NN - PTNT	297.324	297.324	150.500	150.500	238.500	238.000	60.000	
6	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	2591/QĐ-UBND 05/10/2017	Sở TNMT	16.944	16.944	0	0	13.500	13.500	4.000	
7	Xây dựng nút giao Nam cầu Bính	2928/QĐ-UBND 31/10/2017	Sở GTVT	1.482.618	1.482.618	201.000	201.000	1.101.000	1.100.000	600.000	
8	Dự án cải tạo, nâng cấp đường 362 huyện An Lão (đoạn từ ngã ba Quán Chũm Km18+500 đến ngã tư Kênh Km27+600)	2887/QĐ-UBND 30/10/2017	Sở Giao thông vận tải	133.534	133.534	2.300	2.300	107.300	107.000	50.000	
9	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư tại A51 (tổ 24, 26, 27) phường Vĩnh Niệm, quận Lê Chân	2851/QĐ-UBND 30/10/2017	UBND quận Lê Chân	296.007	296.007	5.400	5.400	235.400	235.000	3.000	
10	Xây dựng đường vào cơ quan tư pháp, nội chính quận Lê Chân	2934/QĐ-UBND 31/10/2017	UBND quận Lê Chân	61.181,9	61.182	9.300	9.300	48.800	48.500	20.000	
11	Đầu tư Khu tái định cư đảo Cát Hải - giai đoạn 1 (tại xã Văn Phong và Nghĩa Lộ, diện tích 15,66 ha)	2858/QĐ-UBND 30/10/2017	UBND huyện Cát Hải	495.738	495.738	201.100	201.000	396.000	395.000	70.000	
12	Cải tạo nâng cấp đường tỉnh 359 từ cầu Bính đến xã Trung Hà, huyện Thủy Nguyên	2931/QĐ-UBND 31/10/2017	UBND huyện Thủy Nguyên	1.315.665	1.315.665	173.398,3	173.398,3	897.524,8	897.126,5	100.000	
13	Cải tạo đường thị trấn Minh Đức, huyện Thủy Nguyên	2930/QĐ-UBND 31/10/2017	UBND huyện Thủy Nguyên	305.462		55.300	55.300	245.300	245.000	70.000	

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định đầu tư	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Vốn đã bố trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Tổng số (vốn trong nước)	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: ĐTC NSTP thực hiện dự án		
14	Xây dựng Khu tái định cư phục vụ GPMB Dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường Máng Nước từ chân cầu Bính nối với đường 359 tại thị trấn Núi Đèo, huyện Thủy Nguyên	2905/QĐ-UBND 31/10/2017	UBND huyện Thủy Nguyên	187.127	187.127	50.000	50.000	150.000	150.000	70.000	
15	Tuyến đường trục đô thị nối đường liên phường với đường 356 (giai đoạn II tuyến đường liên phường) quận Hải An	2855/QĐ-UBND 30/10/2017	UBND quận Hải An	282.574	282.574	2.500	2.500	225.500	225.000	45.000	
16	Cải tạo, nâng cấp đường Ngô Gia Tự (đoạn từ cổng Sân bay cũ đến đường liên phường) quận Hải An	2857/QĐ-UBND 30/10/2017	UBND quận Hải An	242.530	242.530	2.150	2.150	195.150	195.000	30.000	
17	Tuyến đường bao phía Nam kênh huyện đội, thị trấn Tiên Lãng (đoạn từ đường 354 đến đường 212)	2856/QĐ-UBND 30/10/2017	UBND huyện Tiên Lãng	103.415	103.415	2.300	2.300	82.300	82.000	16.000	
18	Nâng cấp cải tạo tuyến đường phòng chống lụt bão và trục liên xã Bắc Hưng - Nam Hưng - Đông Hưng - Tây Hưng (đoạn từ ngã ba Quán Cháy đi cổng C4)	2884/QĐ-UBND 28/10/2017	UBND huyện Tiên Lãng	141.033	141.033	8.300	8.300	113.300	113.000	25.000	
II	Bảo vệ môi trường			131.393	110.259	20.156	5.000	105.156	90.000	10.000	
1	Đầu tư Khu xử lý chất thải rắn Ấng Chà Chà - giai đoạn I, xã Trần Châu, huyện Cát Hải	2896/QĐ-UBND 30/10/2017	UBND huyện Cát Hải	116.408	95.274	15.156		93.156	78.000	7.000	
2	Cải tạo và xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật Khu xử lý chất thải rắn Đình Vũ	2637/QĐ-UBND 28/10/2016	Công ty TNHH MTV Môi trường đô thị	14.985	14.985	5.000	5.000	12.000	12.000	3.000	
III	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			208.404	208.404	23.650	23.650	166.550	165.900	44.000	
1	Đầu tư xây dựng, nâng cấp Trụ sở Công an thành phố	2904/QĐ-UBND 31/10/2017	Công an TP	165.907	165.907	14.500	14.500	132.500	132.000	35.000	
2	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Đằng Lâm, quận Hải An	2912/QĐ-UBND 31/10/2017	Công an TP	13.500	13.500	3.050	3.050	10.750	10.700	3.000	
3	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Sở Dầu, quận Hồng Bàng	2913/QĐ-UBND 31/10/2017	Công an TP	13.999	13.999	3.050	3.050	11.250	11.200	3.000	
4	Xây dựng Trụ sở làm việc Công an phường Nghĩa Xá, quận Lê Chân	2935/QĐ-UBND 31/10/2017	Công an TP	14.998	14.998	3.050	3.050	12.050	12.000	3.000	
IV	Giáo dục - đào tạo và dạy nghề			63.086	63.086	2.200	2.200	50.200	50.000	7.000	
I	Xây dựng Trường mầm non Nhi Đức	2897/QĐ-UBND 30/10/2017	UBND quận Kiến An	63.086	63.086	2.200	2.200	50.200	50.000	7.000	
V	Y tế, dân số và gia đình			84.471	84.471	2.100	2.100	67.600	67.500	11.000	
1	Chỉnh trang, nâng cấp Bệnh viện Trẻ em	2613/QĐ-UBND 09/10/2017	Sở Y tế	76.676	76.676	2.100	2.100	61.100	61.000	7.000	

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định đầu tư	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Vốn đã bố trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Tổng số (vốn trong nước)	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: ĐTC NSTP thực hiện dự án		
2	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Bệnh viện Phụ sản Hải Phòng	151/QĐ-UBND 21/01/2016	BV Phụ sản	7.795	7.795			6.500	6.500	4.000	
VI	Hoạt động của cơ quan nhà nước, đoàn thể			43.296	43.296	31.070	31.070	34.570	34.500	3.000	
1	Cải tạo, nâng cấp nhà làm việc Hội Liên hiệp Phụ nữ thành phố	2674/QĐ-UBND 31/10/2016	Hội Liên hiệp Phụ nữ TP	8.622	8.622	6.000	6.000	7.000	7.000	1.000	
2	Đầu tư xây dựng mới Tòa án nhân dân quận Dương Kinh	1042/QĐ-UBND 2850/QĐ-UBND 30/10/2017	BQL Công trình xd PTĐT	34.673	34.673	25.070	25.070	27.570	27.500	2.000	

BIỂU MẪU IX: DỰ ÁN ĐÃ PHÊ DUYỆT QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ VÀ KHỞI CÔNG NĂM 2019

*(Kèm theo Nghị quyết số 28 /NQ-HĐND ngày 10 tháng 11 năm 2018
của HĐND thành phố Hải Phòng)*

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Lĩnh vực, dự án đầu tư	Quyết định đầu tư	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư		Vốn đã bố trí đến hết tháng 11/2018		Kế hoạch giai đoạn 2016 - 2020		Kế hoạch năm 2019	Ghi chú
				Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: NSTP	Tổng số	Tr.đó: ĐTC NSTP thực hiện dự án		
	TỔNG SỐ			1.043.223	1.037.473	8.634	8.634	799.134	790.500	204.000	
I	Hoạt động kinh tế			773.650	767.900	8.534	8.534	583.034	574.500	166.000	
1	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu đất tái định cư dự án đầu tư xây dựng đường Đông Khê 2 tại phường Đông Khê, quận Ngô Quyền	564/QĐ-UBND 14/03/2017	UBND quận Ngô Quyền	69.161	69.161	0	0	55.000	55.000	5.000	
2	Cải tạo, nâng cấp đường 356, đoạn từ Ngã ba Áng Sỏi đến tổ dân phố số 2 thị trấn Cát Bà, huyện Cát Hải	2723/QĐ-UBND 22/10/2018	Sở GTVT	232.178	232.178	200	200	185.200	185.000	27.000	
3	Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ các dự án đầu tư cải tạo chung cư cũ Khu 47 Lê Lai, phường Máy Chai; Khu 311 Đà Nẵng, phường Cầu Tre và U1, U2, U3 Lê Lợi, phường Máy Tơ, quận Ngô Quyền	2856/QĐ-UBND, 31/10/2018	Sở XD	330.140	330.140	8.034	8.034	228.034	220.000	57.000	Ưu tiên hoàn trả Quỹ Đầu tư phát triển đất và GPMB khu 47 Lê Lai
4	Cải tạo, nâng cấp đường Cúc Phố - Ninh Đông (đoạn từ xã Cộng Hiền đến xã Vĩnh Phong, huyện Vĩnh Bảo)	2781/QĐ-UBND, 29/10/2018	UBND huyện Vĩnh Bảo	42.912	37.162			34.500	34.500	10.000	
5	Cải tạo, mở rộng nút giao thông Ngã 5 Kiến An		UBND quận Kiến An	99.259	99.259	300	300	80.300	80.000	67.000	
II	Bảo vệ môi trường			13.882	13.882	50	50	11.050	11.000	3.000	
1	Nâng cấp trạm xử lý nước thải Cụm công nghiệp Tân Liên	2630/QĐ-UBND 10/10/2018	BQL dự án xây dựng HTKT các Cụm công nghiệp HP	13.882	13.882	50	50	11.050	11.000	3.000	
III	An ninh và trật tự, an toàn xã hội			255.691	255.691	50	50	205.050	205.000	35.000	
1	Xây dựng doanh trại Phòng Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy số 1 - Khu vực Dương Kinh	2828/QĐ-UBND, 30/10/2018	Công an thành phố	55.949	55.949	50	50	45.050	45.000	10.000	
2	Đóng mới tàu chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên sông, biển	2846/QĐ-UBND, 31/10/2018	Công an thành phố	199.742	199.742			160.000	160.000	25.000	

**BIỂU MẪU X: VỐN ĐẦU TƯ CÔNG PHÂN BỐ
CHO CÁC QUẬN, HUYỆN**

*(Kèm theo Nghị quyết số 18/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2018
của HĐND thành phố Hải Phòng)*

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Địa phương	Kế hoạch năm 2019			Ghi chú
		Tiền sử dụng đất	NSTP	Tổng số	
	TỔNG SỐ	713.300	1.215.500	1.928.800	
1	Thủy Nguyên	270.000	66.300	336.300	
2	Vĩnh Bảo	45.000	101.400	146.400	
3	Tiên Lãng	31.500	86.200	117.700	
4	An Lão	54.000	101.400	155.400	
5	An Dương	45.000	91.100	136.100	
6	Kiến Thụy	90.000	101.600	191.600	
7	Cát Hải	37.800	95.820	133.620	
8	Lê Chân	21.000	80.000	101.000	
9	Ngô Quyền	12.000	104.430	116.430	
10	Hồng Bàng	44.200	50.000	94.200	
11	Hải An	30.000	57.750	87.750	
12	Kiến An	20.000	85.500	105.500	
13	Đồ Sơn	6.000	78.300	84.300	
14	Dương Kinh	6.800	90.700	97.500	
15	Bạch Long Vĩ		25.000	25.000	Ưu tiên bố trí cho DA đồng mới tàu chở khách và hàng hóa ra đảo Bạch Long Vĩ

PHỤ LỤC XI: DANH MỤC BỔ TRÍ VỐN VAY LẠI ODA NĂM 2019

Đvt: Triệu đồng

Stt	Tên dự án	Quyết định đầu tư	Chủ đầu tư	Tổng mức đầu tư					Kế hoạch vay lại vốn ODA giai đoạn 2016-2020	Kế hoạch vốn vay lại ODA năm 2019	Ghi chú
				Tổng số	ODA			NS TP			
					Tổng số	Vốn cấp phát	Vốn vay lại				
	TỔNG SỐ			5.890.039	4.576.152	3.713.701	862.451	1.313.887	862.451	68.700	
1	Dự án Thoát nước mưa, Thoát nước thải và quản lý chất thải rắn Hải Phòng, giai đoạn I	2333/QĐ-UBND 25/10/2006; 2469/QĐ-UBND 9/12/2009; 1807/QĐ-UBND 11/9/2009; 186/QĐ-UBND 09/2/2012; 1110/QĐ-UBND 04/7/2008; 1727/QĐ-UBND 18/10/2010; 1752/QĐ-UBND 20/10/2010; 303/QĐ-UBND 08/3/2012; 1821/QĐ-UBND 23/9/2013; 1254/QĐ-UBND 05/7/2013; 230/QĐ-UBND 04/02/2016; 577/QĐ-UBND 15/3/2017	BQLDA Cải thiện điều kiện VSMT	5.788.954	4.491.980	3.671.615	820.365	1.296.974	820.365	57.797	Bổ trí hết vốn vay lại theo Hiệp định
2	Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai	2591/QĐ-UBND 05/10/2017	Sở TNMT	101.085	84.172	42.086	42.086	16.913	42.086	10.903	